

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-10-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia T sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh
2. Ông Nguyễn Văn Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23/6/2017; “ V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia T sản khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 90/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Số 278, ấp Đ, xã B, huyện LV, Đồng Tháp (Có mặt).

Bị đơn: Chị Hứa Thị M Th, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Số 278, ấp Đ, xã B, huyện LV, Đồng Tháp; Tạm trú: Số 185, ấp Hưng Nhơn, xã B, huyện LV, Đồng Tháp (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1950; Địa chỉ cư trú: Số 291, Ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Tấn T trình bày:

Anh T và chị Hứa Thị M Th cưới nhau ngày 2004, đến ngày 15/11/2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T và chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống chung không hạnh phúc.

Nay anh Nguyễn Tấn T không còn tình cảm với chị Hứa Thị M Th nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Th;

Quá trình sống chung vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Trung Tính, sinh ngày 19/10/2005 hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2008 hiện chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tấn T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung Tính, sinh ngày 19/10/2005, anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2008 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia T sản: Anh T cho rằng vợ chồng anh T và chị Th có những T sản chung bao gồm:

01 xe Honda Wave biển số 66V-10385 hiện do anh T quản lý sử dụng;

01 chiếc xe Wave biển số 66F5-0671 hiện do chị Th đang quản lý sử dụng;

03 chỉ vàng 24 kara (vàng 9999) hiện chị Th đang quản lý sử dụng;

Một số vật dụng là đồ trang trí nội thất trong nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 10/8/2017.

Một số cây trồng trồng trên diện tích đất xung quanh căn nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 20/10/2017.

Những T sản này anh T và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với căn nhà cấp bốn và công trình phụ xung quanh nhà anh T xác định là T sản của ông Ken cho anh, nên anh không đồng chia. Anh T xác định giá trị nhà và công trình phụ giá 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Theo đơn yêu cầu chia T sản, Tờ tường trình, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Hứa Thị M Th trình bày:

Chị Th thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Tấn T về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Nay anh Nguyễn Tấn T yêu cầu ly hôn với chị Hứa Thị M Th, chị Th đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình sống chung vợ chồng có hai con chung chị Th đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung Tính, sinh ngày 19/10/2005, chị Th không cấp dưỡng nuôi cháu Tính. Chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Yên Nhi, sinh ngày 17/10/2008, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nhi;

Về T sản chung của vợ chồng gồm:

01 xe Honda Wave biển số 66V-10385 hiện do anh T quản lý sử dụng;

01 chiếc xe Wave biển số 66F5-0671 hiện do chị Th đang quản lý sử dụng;

Vật dụng là đồ trang trí nội thất trong nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 10/8/2017.

Cây trồng trên diện tích đất xung quanh căn nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 20/10/2017.

Diện tích đất gồm: 1.000m² đất lúa và 300m² đất thổ cư.

Những T sản này trong quá trình giải quyết chị Th đã rút lại yêu cầu để chị Th và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với căn nhà cấp 4, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, diện tích sàn 152,25 m² được xây dựng năm 2015; Mái kết khung sắt, lợp tol, nền xi măng, ngang 9 mét dài 3,2 mét; Sân ngang 9 mét và dài 7,9 mét nền lát xi măng, hàng rào trụ đá lưới B40 không xây chân dài 22 mét, cao 1,5 mét, xây dựng năm 2015 trên thửa đất số 44b, tờ bản đồ số 8 (theo bản đồ 299) do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà và đất tọa lạc tại số 278 ấp Đ, xã B, huyện LV, Đồng Tháp. Hiện anh T đang quản lý sử dụng. Tiền xây dựng nhà và công trình phụ là do cha, mẹ anh T cho một phần đất giáp lộ chiều ngang 10m, dài 30m, anh T, chị Th đã bán cho ông Đáng ở chợ Long Hưng B với giá 340.000.000 đồng và dùng số tiền này và tiền vợ chồng tích lũy được để xây dựng nhà và công trình phụ.

Chị Th yêu cầu chia T sản chung của vợ chồng là giá trị căn nhà và công trình phụ xung quanh nhà theo giá anh T xác định là 275.000.000 đồng, chia ½ chị Th nhận 137.500.000 đồng, chị Th đồng ý giao toàn bộ căn nhà và công trình phụ xung quanh nhà cho anh T quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày: ông Ken thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Tấn T về việc căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2015 là của ông Nguyễn Văn K, vì ông Ken là người cho tiền vợ chồng anh T và chị Th xây dựng nhà để ở. Ông Ken khẳng định đây là T sản của mình, nhưng không có yêu cầu anh T và chị Th trả lại.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Th.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Th, mỗi người được nuôi một con chung.

Về chia Tài sản: Chấp nhận yêu cầu của chị Th chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, mỗi người được chia 137.500.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Nguyễn Tấn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Hứa Thị M Th, yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Bị đơn chị Th có địa chỉ tại Số 185, ấp Hưng Nhơn, xã B, huyện LV, Đồng Tháp, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa người liên quan ông Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ken.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn T được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th có đăng kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2004 do Ủy

ban nhân dân xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Tấn T về việc ly hôn với chị Hứa Thị M Th là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của anh T tại đơn khởi kiện, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải cũng như và tại phiên tòa nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa anh T và chị Th phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, hiện nay vợ chồng đã sống xa nhau được một thời gian và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó anh T yêu cầu ly hôn và chị Th cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị Th.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị Th có 02 con chung tên Nguyễn Trung Tính, sinh ngày 19/10/2005 hiện do anh T nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2008 hiện do chị Th nuôi dưỡng. Anh T và chị Th thống nhất mỗi người nuôi một con chung. Để đảm bảo tính ổn định, tránh ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu, chấp sự thỏa thuận giữa anh T và chị Th. Giao cháu Nguyễn Trung Tính cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Còn cháu Nguyễn Thị Yến Nhi giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T và chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về T sản chung:

Theo đơn yêu cầu chia T sản chung của chị Th yêu cầu chia:

01 xe Honda Wave biển số 66V-10385 hiện do anh T quản lý sử dụng;

01 chiếc xe Wave biển số 66F5-0671 hiện do chị Th đang quản lý sử dụng;

Vật dụng là đồ trang trí nội thất trong nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 10/8/2017.

Cây trồng trên diện tích đất xung quanh căn nhà được ghi nhận trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án huyện LV ngày 20/10/2017.

Diện tích đất gồm: 1.000m² đất lúa và 300m² đất thổ cư.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Th đã rút lại yêu cầu đối với các T sản trên để chị Th và anh T tự thỏa thuận. Việc rút lại yêu cầu của chị Th là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với căn nhà cấp 4, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch men, diện tích sàn 152,25 m²; Mái kết khung sắt, lợp tol, nền xi măng, ngang 9 mét dài 3,2 mét; Sân ngang 9 mét và dài 7,9 mét nền lát xi măng; hàng rào trụ đá lưới B40 không xây chân dài 22 mét, cao 1,5 mét, xây dựng năm 2015 trên thửa đất số 44b, tờ bản đồ số 8 (theo bản đồ 299) do ông Nguyễn Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà và đất tọa lạc tại số 278 ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, hiện nay anh T đang quản lý và sử dụng.

Chị Th và anh T đều khai thống nhất tiền cất nhà là do ông Ken cho vợ chồng chị một phần đất giáp lộ chiều ngang 10m, chiều dài hơn 30m, sau đó ông Ken bán được trên 300.000.000 đồng và giao số tiền này cho vợ chồng anh chị tự mua vật liệu xây dựng nhà. Nhà và công trình phụ hiện nay anh T và chị Th thống nhất giá trị là 275.000.000 đồng. Chị Th yêu cầu chia đôi, mỗi người 137.500.000 đồng, chị Th đồng ý giao nhà và công trình phụ cho anh T quản lý, sử dụng và anh T có nghĩa vụ trả lại cho chị Th số tiền 137.500.000 đồng. Còn anh T không đồng ý chia giá trị căn nhà, vì cho rằng đây là T sản của ông Ken.

Xét thấy, căn nhà chị Th yêu cầu chia giá trị được cha mẹ anh T cho tiền xây dựng và đã xây dựng xong trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là T sản chung của vợ chồng. Việc chị Th yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà với số tiền là 137.500.000 đồng và giao toàn bộ căn nhà cùng công trình phụ xung quanh nhà cho anh T quản lý, sử dụng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th. Giao toàn bộ căn nhà và công trình phụ xung quanh nhà số 278 ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T có nghĩa vụ trả lại giá trị cho chị Th số tiền 137.500.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T và chị Th mỗi người phải chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng và tự nguyện chịu toàn bộ án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do chị Th có yêu cầu chia T sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Th phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chị Th đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 59, Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 và khoản 1 Điều 33 của Luật hôn và nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tấn T và chị Hứa Thị M Th.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Trung Tính, sinh ngày 19/10/2005 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 17/10/2008 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng;

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về Tài sản chung:

Giao toàn bộ căn nhà cấp 4 và công trình phụ xung quanh nhà số 278 ấp Đ, xã B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp cho anh T quản lý, sử dụng.

Anh Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho chị Hứa Thị M Th số tiền 137.500.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Anh Nguyễn Tấn T chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 16473 ngày 23/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

Án phí chia T sản: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 6.875.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Hứa Thị M Th phải chịu 6.875.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là

6.406.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm linh sáu nghìn đồng), chị Th còn phải nộp tiếp 469.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) chị Hứa Thị M Th chịu (Đã thu và chi xong).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện LV;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện LV;
- Lưu VPTA-HSVA.

Nguyễn Văn Hằng